

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số: 281/Tr-KT ngày 29/12/2025)

ĐVT: đồng

STT	Diễn giải	Dự toán 2026			Mã QHNS
		Tổng	Nguồn 12, 13	Nguồn 18	
1	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Đồng Thịnh	4.750.852.919	4.688.178.359	62.674.560	1152716
	Ủy ban mặt trận tổ quốc	4.630.852.919	4.568.178.359	62.674.560	
	Các hội đoàn thể khác (Hội người cao tuổi, chữ thập đỏ ...)	120.000.000	120.000.000		
2	Văn phòng HĐND và UBND xã Đồng Thịnh	10.134.502.907	10.003.846.667	130.656.240	1152719
	Ban quân sự xã	763.529.600	763.529.600		
	An ninh	1.871.836.800	1.871.836.800		
	Quản lý nhà nước (HĐND)	1.597.137.575	1.569.085.655	28.051.920	
	Quản lý nhà nước (UBND)	5.901.998.932	5.799.394.612	102.604.320	
3	Phòng Kinh tế xã Đồng Thịnh	2.647.223.000	2.583.621.800	63.601.200	1152718
	Quản lý hành chính	1.497.223.000	1.433.621.800	63.601.200	
	Sự nghiệp môi trường	200.000.000	200.000.000		
	Sự nghiệp nông nghiệp và dịch vụ	200.000.000	200.000.000		
	Sự nghiệp thủy lợi	150.000.000	150.000.000		
	Sự nghiệp giao thông	100.000.000	100.000.000		
	Sự nghiệp thị chính	200.000.000	200.000.000		
	Sự nghiệp địa chính	300.000.000	300.000.000		
4	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Đồng Thịnh	21.205.685.959	21.128.100.919	77.585.040	1152717
	Sự nghiệp giáo dục (GD&ĐT)	20.000.000	20.000.000		
	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	200.000.000	200.000.000		
	Sự nghiệp dân số	44.815.680	44.815.680		
	Sự nghiệp văn hóa thông tin	50.000.000	50.000.000		
	Sự nghiệp truyền thanh	138.510.968	138.510.968		
	Sự nghiệp thể thao	212.000.000	212.000.000		
	Hội chữ thập đỏ, hội người cao tuổi	82.162.080	82.162.080		
	Hoạt động người có công	200.000.000	200.000.000		
	Hưu xã	1.397.372.400	1.397.372.400		
	Sự nghiệp xã hội	16.585.424.000	16.585.424.000		
	Hoạt động quản lý nhà nước	2.275.400.831	2.197.815.791	77.585.040	
5	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Đồng Thịnh	944.659.920	898.833.360	45.826.560	1152720
6	Văn phòng Đảng ủy xã Đồng Thịnh	8.856.768.387	8.699.857.347	156.911.040	1152715
	QLNN Văn phòng Đảng ủy	6.866.326.394	6.799.411.754	66.914.640	
	QLNN Ban Xây dựng Đảng	1.090.635.991	1.046.466.151	44.169.840	
	QLNN Ủy ban kiểm tra Đảng	899.806.002	853.979.442	45.826.560	
7	Trạm y tế xã Đồng Thịnh	3.471.732.328	3.289.184.248	182.548.080	1166877

STT	Diễn giải	Dự toán 2026			Mã QHNS
		Tổng	Nguồn 12, 13	Nguồn 18	
	Các đơn vị giáo dục	75.803.939.991	72.352.348.391	3.451.591.600	
	Khối Mầm non	26.413.274.265	25.209.878.225	1.203.396.040	
8	Trường Mầm non Nghĩa Đồng	5.068.173.483	4.830.504.363	237.669.120	1130669
9	Trường Mầm non Nghĩa Thịnh	7.206.720.422	6.882.831.582	323.888.840	1130668
10	Trường Mầm non Hoàng Nam	7.370.549.000	7.038.321.000	332.228.000	1130666
11	Trường Mầm non Nghĩa Minh	6.767.831.360	6.458.221.280	309.610.080	1130665
	Khối Tiểu học	24.591.403.974	23.503.697.534	1.087.706.440	
12	Trường Tiểu học Nghĩa Đồng	5.917.618.573	5.653.217.573	264.401.000	1087214
13	Trường Tiểu học Nghĩa Thịnh	5.822.179.879	5.569.628.359	252.551.520	1087215
14	Trường Tiểu học Hoàng Nam	7.858.905.000	7.512.061.000	346.844.000	1087217
15	Trường Tiểu học Nghĩa Minh	4.992.700.523	4.768.790.603	223.909.920	1087216
	Khối Trung học cơ sở	24.799.261.751	23.638.772.631	1.160.489.120	
16	Trường THCS Nghĩa Đồng	6.092.797.177	5.805.791.177	287.006.000	1002732
17	Trường THCS Nghĩa Thịnh	6.674.274.346	6.358.290.106	315.984.240	1002590
18	Trường THCS Hoàng Nam	7.136.093.978	6.813.567.098	322.526.880	1002731
19	Trường THCS Nghĩa Minh	4.896.096.250	4.661.124.250	234.972.000	1002730